TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2019
"*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại thiện Phong**
2. Ông **Lưu Quốc Khánh**
Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST- DS ngày 28 tháng 06 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1976 *(Có mặt)*
Địa chỉ: Ấp N, xã N2, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu
Bị đơn: Bà **Đoàn Thị B1**, sinh năm 1957 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp N1, xã N2, huyện H, tỉnh Bạc Liêu
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1976 *(Vắng mặt – Có đơn xin vắng)*
Địa chỉ: Ấp N, xã N2, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày: Vào khoảng tháng 11 năm 2016 cho đến đầu năm 2017, vợ chồng ông B có bán nợ vật liệu xây dựng như cát, đá, xi măng… cho bà Đoàn Thị B1 số tiền là 33.861.000 đồng và bán nợ vật tư nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu cho bà Đoàn Thị B1 số tiền là 2.871.000 đồng. Tổng số tiền mà bà B1 còn thiếu vợ chồng ông B đối với việc mua vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp là 36.732.000 đồng. Sau khi bán nợ số tiền nêu trên, vợ chồng ông B nhiều lần yêu cầu bà Đoàn Thị B1 thanh toán cho vợ chồng ông B nhưng bà B1 nhiều lần hứa hẹn mà không trả. Nay ông B yêu cầu bà Đoàn Thị B1

phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông B tổng số tiền nợ là 36.732.000 đồng.

Ngày 09/9/2019, ông Trần Văn B có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông B chỉ yêu cầu bà Đoàn Thị B1 trả cho vợ chồng ông B tổng số tiền nợ vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng là 33.000.000 đồng.

Ngoài ra ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/09/2019 bị đơn bà Đoàn Thị B1 trình bày: Bà B1 thừa nhận trước đây vào khoảng năm 2017, bà B1 có mua nợ vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp của vợ chồng ông Trần Văn B. Tuy nhiên bà B1 xác định bà chỉ còn nợ vợ chồng ông B tổng số tiền mua vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp là 33.000.000 đồng chứ không phải nợ số tiền 36.732.000 đồng như ông B trình bày tại đơn khởi kiện. Nay bà B1 đồng ý trả cho vợ chồng ông B số tiền còn nợ là 33.000.000 đồng nhưng bà B1 xin được trả dần vì bà không có tiền để trả 01 lần cho vợ chồng ông B. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày*:** Bà là vợ của ông Trần Văn B, bà thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện của ông B cũng như lời trình bày của ông B trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2019 ông Trần Văn B khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị B1 trả tổng số tiền nợ mua vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp là 36.732.000 đồng, tuy nhiên đến ngày 09/9/2019 ông B có đơn xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Đoàn Thị B1 trả tổng số tiền 33.000.000 đồng, căn cứ Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B đối với số tiền 3.732.000 đồng. Xét yêu cầu của ông B yêu cầu bà B1 trả tổng số tiền 33.000.000 đồng thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai ngày 05/09/2019 bà Đoàn Thị B1 thừa nhận trước đây vào khoảng năm 2017, bà B1 có mua nợ vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp của vợ chồng ông Trần Văn B và hiện tại bà còn nợ vợ chồng ông B tổng số tiền là 33.000.000 đồng và bà đồng ý trả số tiền này cho vợ chồng ông B. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó việc ông B yêu cầu bà Đoàn Thị B1 phải trả tổng số tiền mua nợ vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp 33.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bà Đoàn Thị B1 phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông B, bà T tổng số tiền mua nợ vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp là 33.000.000 đồng. Ngoài ra bà B1 còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Trần Văn B khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đoàn Thị B1 phải trả cho vợ chồng ông B tổng số tiền mua nợ vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp là 36.732.000 đồng. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N1, xã N2, huyện H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Đoàn Thị B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B yêu cầu bà Đoàn Thị B1 phải cho vợ chồng ông Trần Văn B tổng số tiền nợ vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng là 36.732.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2019 ông B yêu cầu bà B1 phải trả cho vợ chồng ông B tổng số tiền nợ vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng là 36.732.000 đồng, tuy nhiên đến ngày 09/9/2019 ông B có đơn xin rút lại một phần nội dung khởi kiện, ông B chỉ yêu cầu bà Đoàn Thị B1 trả cho vợ chồng ông tổng số tiền là 33.000.000 đồng, xét thấy việc rút lại một phần nội dung khởi kiện của ông B là tự nguyện, không ai ép buộc nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B đối với số tiền 3.732.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2019, bà Đoàn Thị B1 thừa nhận vào năm 2017 bà B1 có mua nợ vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng của vợ chồng ông Trần Văn B, số tiền mà bà B1 còn nợ vợ chồng ông B hiện nay là 33.000.000 đồng và bà B1 đồng ý trả cho vợ chồng ông B số tiền này. Xét thấy đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc ông Trần Văn B khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị B1 phải trả cho vợ chồng ông B tổng số tiền mua nợ vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp 33.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Mặc khác, bà B1 xác định bà B1 có chồng tuy nhiên bà không sống chung với chồng bà, thời điểm bà B1 mua nợ vật liệu xây dựng và vật tư nông nghiệp nêu trên thì bà không sống chung với chồng bà và bà đứng ra giao dịch một mình, chồng bà không biết. Về phía ông B xác định khi bán nợ vật liệu xây dựng và vật tư

nông nghiệp cho bà B1 thì chỉ có một mình bà B1 đứng ra giao dịch với vợ chồng ông, nay vợ chồng ông chỉ yêu cầu một mình bà Đoàn Thị B1 trả nợ cho vợ chồng ông mà không yêu cầu ai khác cùng có trách nhiệm trả nợ với bà B1. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 3.732.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 33.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B được chấp nhận nên ông B không không phải chịu án phí.

Bà Đoàn Thị B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền buộc phải trả cho vợ chồng ông Trần Văn B là 1.650.000 đồng (33.000.000 đồng x 5% = 1.650.000 đồng).

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 428, 438 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B yêu cầu bà Đoàn Thị B1 phải trả số tiền 3.732.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B yêu cầu bà Đoàn Thị B1 phải trả số tiền 33.000.000 đồng.

Buộc bà Đoàn Thị B1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn B và bà Lê Thị T tổng số tiền là 33.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hánh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn B không phải chịu án phí, ông B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 918.000 đồng theo biên lai thu số 0002639 ngày 24/06/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được hoàn lại toàn bộ.

- Buộc bà Đoàn Thị B1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.650.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Bé Nhi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).